

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2017/LĐ-PT

Ngày: 24-8-2017

V/v: Tranh chấp lao động về
bồi thường thiệt hại do người
lao động đơn phương chấm
dứt hợp đồng lao động.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hồng.

Các Thẩm phán: Ông Bùi Hữu Nhân.

Bà Vũ Thị Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Quang Huy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Ông Ngô Phạm Thế Mỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án Lao động thụ lý số 02/2017/TLPT-LĐ ngày 20 tháng 7 năm 2017 về “Tranh chấp lao động về bồi thường thiệt hại do người lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động”.

Do Bản án số 02/2017/LĐ-ST ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2017/QĐ-PT ngày 28/7/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ có địa chỉ trụ sở chính tại đường A, phường B, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ:
Bà Bùi Thị N, sinh năm 1959, chức vụ Giám đốc nhân sự (theo văn bản ủy quyền ngày 07/8/2017 của Tổng giám đốc công ty)

- Bị đơn: Bà Lê Thị Mỹ D, sinh năm 1989; địa chỉ nơi cư trú đường C, phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- *Người kháng cáo:* Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ là nguyên đơn.
(đại diện nguyên đơn có mặt; bị đơn bà D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm,

Theo nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ nộp ngày 28/7/2016 và bản tự khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên trình bày:

Do có quan hệ lao động giữa Công ty Đ và bà Lê Thị Mỹ D nên giữa hai bên có ký Bản cam kết học việc số 2016/02/06, ngày 29/02/2016 với thời gian học việc từ ngày 29/02/2016 đến ngày 29/4/2016.

Đến ngày 29/3/2016 do bà D làm việc hiệu quả nên được Công ty Đ ký hợp đồng lao động thời hạn xác định là 24 tháng kể từ ngày 01/4/2016 đến ngày 01/4/2018. Sau khi ký hợp đồng lao động bà D làm việc được một thời gian thì đến ngày 11/6/2016 bà D tự ý bỏ việc không có lý do. Công ty Đ đã nhiều lần mời bà D đến làm việc nhưng bà D không hợp tác. Ngày 17/6/2016, Công ty Đ ban hành Quyết định số 02/2016/QĐ-Đ về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà D.

Do bà D vi phạm các quy định về đơn phương chấm dứt hợp đồng, gây thiệt hại cho Công ty Đ nên Công ty Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà D phải bồi thường các khoản tiền sau:

1. Bồi thường vi phạm thời hạn báo trước: $3.317.000/26 \times 30 = 3.827.307đ$.
2. Bồi thường hợp đồng $\frac{1}{2}$ tháng lương căn bản $3.317.000đ = 1.568.500đ$.
3. Bồi thường theo cam kết: 3.100.000đ.
4. Thẻ bảo hiểm tháng 6/2016: 149.265đ

Tổng cộng: 8.645.072đ

Tuy nhiên trong quá trình làm việc khoản tiền lương Công ty Đ còn phải thanh toán cho bà D là 1.084.403đ, căn trừ vào khoản bà D phải bồi thường thiệt hại cho công ty nên số tiền còn lại yêu cầu bà D phải thanh toán cho công ty là: 7.560.669đ.

Bị đơn bà D xác nhận nội dung trình bày của nguyên đơn về việc ký kết hợp đồng lao động, nội dung hợp đồng và quá trình thực hiện hợp đồng là đúng như Công ty Đ trình bày. Tuy nhiên vì lý do bà không hiểu biết nên trước khi nghỉ việc, bà không xin phép. Hơn nữa, thời gian đó bà có thai, sức khỏe yếu, công việc ở công ty lại áp lực nên bà phải nghỉ việc. Bà không đồng ý bồi thường tất cả các khoản như nguyên đơn đã yêu cầu với số tiền 7.560.669đ.

Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Hòa giải vào ngày 16/5/2017 nhưng do bị đơn bà D có đơn xin vắng mặt nên không thể mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không hòa giải được.

Tại Bản án Lao động sơ thẩm Số 02/2017/LĐ-ST ngày 08/6/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt đã tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Đ đối với bà D

Buộc bà D phải có nghĩa vụ bồi thường cho Công ty Đ số tiền 149.265đ (*Một trăm bốn mươi chín ngàn hai trăm sáu mươi lăm đồng*) tiền đóng bảo hiểm y tế tháng 6/2016.

Bác các yêu cầu của Công ty Đ yêu cầu bà D bồi thường do vi phạm thời hạn báo trước là 3.827.307đ, bồi thường hợp đồng $\frac{1}{2}$ tháng lương căn bản là 1.568.500đ và bồi thường tiền học việc theo cam kết là 3.100.000đ.

Về án phí: Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ phải chịu 300.000đ án phí Lao động sơ thẩm nhưng được trừ toàn bộ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số AA/2015/0008246 ngày 07 tháng 4 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ.

Buộc bà D phải chịu 300.000đ án phí Lao động sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các bên đương sự

Ngày 20/6/2017, Công ty Đ kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm đối với những yêu cầu bị bác.

Tại phiên tòa hôm nay,

Đại diện của nguyên đơn Công ty Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây gọi tắt là HĐXX) căn cứ vào Điều 43 Bộ luật lao động năm 2012 chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Công ty TNHH Đ, sửa Bản án Lao động sơ thẩm Số 02/2017/LĐ-ST ngày 08/6/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Đ.

Bị đơn bà D mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc Thẩm phán và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án Lao động ở giai đoạn phúc thẩm đồng thời đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 308 giữ nguyên bản án Lao động sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh luận và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Đây là vụ án Tranh chấp lao động giữa người sử dụng lao động với người lao động về bồi thường thiệt hại do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 32 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, thẩm quyền giải quyết thuộc vụ án lao động theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 35 và điểm b, khoản 4, Điều 38 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Công ty Đ HĐXX thấy rằng Công ty TNHH Đ và bà D có ký Bản cam kết Số 2016/02/06/APD ngày 29/02/2016 nội dung trong bản cam kết thể hiện bên Công ty Đ chịu trách nhiệm hướng dẫn cho bà D công việc thuộc bộ phận kiểm soát thời gian hướng dẫn từ ngày 29/02/2016 đến ngày 29/4/2016, sau thời gian được hướng dẫn bà D phải ký hợp đồng lao động làm việc cho Công ty Đ ít nhất là 12 tháng, nếu nghỉ việc trước thời hạn thì phải bồi thường chi phí hướng dẫn công việc là 01 tháng lương căn bản, lương căn bản trong thời gian được hướng dẫn công việc là 3.100.000đ/tháng. Đến ngày 01/4/2016 giữa Công ty Đ và bà D ký hợp đồng lao động số 05164 với thời hạn lao động có xác định là 24 tháng kể từ ngày 01/4/2016 đến ngày 01/4/2018; công việc là công nhân kiểm hàng đơn; địa điểm làm việc tại đường A, phường B, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; mức lương là 3.317.000đ/ tháng; Công ty Đ sẽ trích 10,5% từ lương hàng tháng của bà D và đóng 22% trên mức lương căn bản hàng tháng của bà D để nộp cho cơ quan Bảo hiểm xã hội các khoản bảo hiểm bắt buộc như Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp. Ngoài ra hợp đồng còn quy định các khoản như kinh phí Công đoàn, chế độ làm việc, các quyền lợi, nghĩa vụ của người lao động và nghĩa vụ, quyền hạn của người sử dụng lao động. Vụ án đã được Tòa án nhân dân thành phố Đ xét xử sơ thẩm tại Bản án lao động sơ thẩm Số 02/2017/LĐ-ST ngày 08/6/2017. Do không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm nên nguyên đơn Công ty Đ kháng cáo yêu cầu bà D bồi thường ½ tháng tiền lương căn bản là 1.568.500đ do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật; bồi thường 3.827.307đ do vi phạm quy định về thời hạn báo trước; bồi thường số tiền 3.100.000đ theo bản cam kết thời gian đào tạo. Qua các yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn HĐXX nhận thấy:

- Về hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của người lao động:

Theo Hợp đồng lao động Số 05164 ngày 01/4/2016 giữa Công ty Đ và bà D thì thời hạn lao động được xác định là 24 tháng kể từ ngày 01/4/2016 đến ngày

01/4/2018; công việc là công nhân kiểm hàng đơn; địa điểm làm việc tại đường A, phường B, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; mức lương là 3.317.000đ/tháng. Thực tế sau khi ký hợp đồng lao động bà D tham gia quan hệ lao động đến ngày 10/6/2016, sau đó tự ý bỏ việc không thông báo cho người sử dụng lao động biết trước theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 38 Bộ luật Lao động năm 2012. Hành vi này đã được bà D thừa nhận tại bản tự khai ngày 08/5/2017 (*bút lục số 31*), ngày 17/6/2016 Công ty Đ ra Quyết định số 02/2016/QĐ-Đ chấm dứt hợp đồng lao động với bà D với lý do bà D đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động. Như vậy, đối chiếu với quy định tại Điều 43 Bộ luật Lao động năm 2012 đã có đủ căn cứ để xác định nghĩa vụ đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật của người lao động đối với người sử dụng lao động và nguyên đơn đã chứng minh được lỗi của người lao động đối với việc chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật nên người lao động phải bồi thường thiệt hại cho người sử dụng lao động theo quy định của Bộ luật Lao động năm 2012 cụ thể như sau:

- Về khoản tiền bồi thường do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là $\frac{1}{2}$ tháng tiền lương căn bản, nguyên đơn yêu cầu bồi thường số tiền là 1.568.500đ. Tuy nhiên theo quy định tại khoản 1 Điều 43 Bộ luật Lao động năm 2012 quy định khoản tiền bồi thường là $\frac{1}{2}$ tháng tiền lương theo hợp đồng, căn cứ vào mức tiền lương ghi trong Hợp đồng lao động Số 05164 ngày 01/4/2016 là 3.317.000đ/tháng nên mức bồi thường được xác định là $3.317.000\text{đ}/\text{tháng}/2 = 1.658.500\text{đ}$. Nhưng tại đơn khởi kiện ghi ngày 26/7/2016 và đơn kháng cáo ghi ngày 20/6/2016 nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn bồi thường khoản tiền 1.568.500đ thấp hơn mức bồi thường do pháp luật quy định, đây là quyền tự do định đoạt của đương sự và có lợi cho người lao động nên cần chấp nhận khoản tiền trên.

- Về khoản tiền bồi thường do vi phạm thời hạn báo trước, theo quy định của pháp luật về lao động thì người lao động có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn, nhưng phải báo trước cho người sử dụng trong thời hạn luật định, trong vụ án này trường hợp của bà D muốn chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn thì phải báo trước cho Công ty Đ ít nhất là 30 ngày theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 37 Bộ luật Lao động năm 2012. Nguyên đơn yêu cầu số tiền 3.827.307đ (cụ thể $3.317.000\text{đ}/26 \text{ ngày làm việc} \times 30 \text{ ngày} = 3.827.307\text{đ}$) là có căn cứ, đúng pháp luật, HĐXX chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của nguyên đơn buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán khoản tiền trên.

- Về khoản tiền bồi thường theo Bản cam kết Số 2016/02/06/APD ngày 29/02/2016 nội dung trong bản cam kết thể hiện bên Công ty Đ chịu trách nhiệm hướng dẫn cho bà D công việc thuộc bộ phận kiểm mành thời gian hướng dẫn từ

ngày 29/02/2016 đến ngày 29/4/2016, nhưng đến ngày 01/4/2016 thì hai bên đã chấm dứt thực hiện bản cam kết trước thời hạn, mọi quyền lợi, nghĩa vụ đã thỏa thuận trong bản cam kết không còn hiệu lực ràng buộc giữa các bên, nên yêu cầu của nguyên đơn về bồi thường 01 tháng lương cơ bản trong thời gian hướng dẫn nghề số tiền là 3.100.000đ là không có căn cứ để chấp nhận, HĐXX không chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của nguyên đơn.

- Về khoản tiền Bảo hiểm y tế tháng 6/2016 Công ty Đ đã đóng cho bà D số tiền là 149.265đ, bản án sơ thẩm đã tuyên chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán, khoản tiền này các bên không có kháng cáo, Viện kiểm sát không có kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật.

Xét thấy quan hệ lao động giữa người lao động và người sử dụng lao động là bình đẳng, được pháp luật lao động điều chỉnh cụ thể, nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể trong quan hệ lao động. Cấp sơ thẩm chưa đánh giá đúng tính chất của vụ án, không xác định nghĩa vụ của người lao động khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 43 Bộ luật Lao động năm 2012 là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng lao động, do vậy cần chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Sửa Bản án lao động sơ thẩm Số 02/2017/LĐ-ST ngày 08/6/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Đ. Buộc bị đơn có nghĩa vụ bồi thường cho nguyên đơn số tiền là 5.545.072đ gồm Khoản tiền bồi thường do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là $\frac{1}{2}$ tháng tiền lương căn bản ghi trong hợp đồng lao động theo yêu cầu của nguyên đơn là 1.568.500đ; khoản tiền bồi thường do vi phạm thời hạn báo trước khi thực hiện quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn là 3.827.307đ; khoản tiền Bảo hiểm y tế tháng 6/2016 là 149.265đ. Tuy nhiên, theo lời trình bày và lời thừa nhận của nguyên đơn Công ty Đ hiện đang giữ khoản tiền lương của bà D là 1.084.000đ nguyên đơn đề nghị được khấu trừ vào khoản tiền phải bồi thường của bà D đối với công ty. HĐXX thấy rằng, đề nghị này là hợp lý cần thiết cho việc giải quyết dứt điểm vụ án, nên cần chấp nhận. Cân đối giữa khoản tiền bà D phải bồi thường cho công ty và khoản tiền lương mà công ty phải thanh toán cho bà D, thì khoản tiền còn lại bà D phải có nghĩa vụ thanh toán cho công ty là 4.461.000đ (*cụ thể như sau* $5.545.072đ - 1.084.000đ = 4.461.000đ$)

Về án phí:

- Buộc bà D phải chịu 300.000đ tiền án phí lao động sơ thẩm đối với nghĩa vụ phải thi hành các khoản bồi thường cho nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

- Buộc Công ty TNHH Đ phải chịu 300.000đ tiền án phí lao động sơ thẩm đối với yêu cầu bồi thường không được Tòa án chấp nhận.

Do sửa bản án sơ thẩm nên người có kháng cáo không phải chịu án phí lao động phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Công ty TNHH Đ đối với bị đơn bà D .

Sửa Bản án lao động sơ thẩm Số 02/2017/LĐ-ST ngày 08/6/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Đ đối với bị đơn bà D . Buộc bị đơn bà D có nghĩa vụ bồi thường cho nguyên đơn Công ty Đ số tiền 4.461.000đ (*Bốn triệu, bốn trăm sáu mươi một ngàn đồng*)

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Buộc bà D phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí lao động sơ thẩm.

- Buộc Công ty TNHH Đ phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí lao động sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 600.000đ (*Sáu trăm ngàn đồng*) theo các Biên lai thu số AA/2015/0008246 ngày 04/4/2017 và Biên lai thu số AA/2016/0001479 ngày 03/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, Công ty TNHH Đ đã nộp đủ tiền án phí lao động sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty TNHH Đ số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí còn thừa.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND tỉnh LD;
- TAND TP Đà Lạt (02);
- Phòng KTNV&THA
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Hồng